

giảm thể tích máu : Sốc do bỏng, chấn thương nặng, phẫu thuật, pha loãng máu.

Liều dùng : Lúc đầu, truyền chậm 10-20ml/ Theo dõi bệnh nhân phòng phản ứng có thể xảy ra. Liều dùng tùy thuộc vào tình trạng bệnh. Tăng thể tích huyết tương khoảng 250-1000ml/ngày. Pha loãng máu 500ml/ngày, kéo dài vài ngày. Tốc độ truyền tối thiểu 30 phút/500ml (cấp cứu có thể nhanh hơn).

Chống chỉ định : Quá tải thể tích tuần hoàn, suy tim ứ huyết, suy thận mạn kèm dài ít hoặc vô niệu, creatinin máu 2mg/dl, cơ địa dễ xuất huyết, quá mẫn cảm với thuốc.

Lưu ý : Có thể có phản ứng phản vệ (sau vài phút tiêm) : ngứa dữ dội, đỏ bừng mặt, sốt hơi do như chẹn họng, sau đó nôn quặn bụng, rút cơ bụng, tim nhanh, tụt HA, ngừng tim, ngừng thở. Xử trí : ngừng thuốc, lưu ý kim cho epinephrin và theo dõi mạch, HA. Dùng glucocorticoid IV và kháng histamin và thực hiện các nguyên tắc cấp cứu thông thường. Chỉ dùng cho người mang thai hoặc nuôi con bú khi thật cần thiết.

Coi chừng : quá tải tuần hoàn, thận trọng với người có bệnh về đông máu, suy tim, phù phổi, suy thận, bệnh gan mạn.

Cần cân đối điện giải (bổ xung điều trị), và thành phần máu (hồng cầu, huyết sắc tố, nồng độ protein...),

Tương tác : Làm thay đổi các thông số hóa lâm sàng.

Tránh trộn với thuốc khác (có thể có tương kỵ mất tương không nhìn thấy). Dùng với aminoglycosid tăng tác dụng độc trên thận.

Tác dụng phụ : Có thể bị sốc phản vệ (cần có phương tiện cấp cứu)

Ngứa (pha loãng máu)

Amylase huyết thanh tăng cao, trở lại bình thường sau 3- 5 ngày sau khi ngừng thuốc.

Dùng liều cao tăng nguy cơ chảy máu.

Relvene (Pháp)

Dạng thuốc : Gel ống 60g bôi tại chỗ 2%. Gói bột 1g 0-(β-hydroxyethyl)-rutosid.

Tác dụng : Che chở mạch.

Chỉ định : Suy tĩnh mạch- bạch huyết, rối loạn chức năng (chân nặng, dị cảm, co thắt, đau nhức), phù.

Liều dùng : Ngày bôi 3-4 lần hoặc uống 1-2 gói pha vào ít nước.

Chống chỉ định : Phụ nữ có thai hoặc nuôi con bú.

Rennie (Pháp)

Dạng thuốc : Viên nén có:

Calci carbonat 680mg

Mg carbonat nặng 80mg

Tác dụng : Chống acid dịch vị, giảm đau dạ dày.

Chỉ định : Các chứng đau do tăng acid dịch vị ở dạ dày, thực quản, tá tràng.

Liều dùng : Ngày uống 3- 4 lần x 1-2 viên vào sau bữa ăn hoặc lúc đau. Ngậm hoặc nhai viên thuốc.

Lưu ý : Người bị suy thận. Thuốc có 475mg saccarose, nên lưu ý không dùng với người bị đái đường. Dùng cách xa cách thuốc khác 2 giờ. Không dùng cùng lúc với indometacin và phosphor do tương tác.

Renutryl (Pháp)

Dạng thuốc : Hộp 375ml chất lỏng có : (500 Kcal= 2092 Kjoule).

Retinol hay axerophthol	833 đvqt
Riboflavin	3mg
Thiamin nitrat	2,89mg
Ca pantothenat	9,49mg
Pyridoxin HCl	2,1mg
Vitamin C	75mg
Nicotinamid	10,5mg
MgO nặng	34,88mg
MnSO ₄	3,94mg
KCl	600mg
FeSO ₄	15mg
Na caseinat	12,5mg
Các lactoprotien	21,5mg
Các men lactic xảy khô	3g
Chất béo	4g
Dầu đậu nành	4g
Dịch thủy phân tinh bột	45g
Đường	20g

Tác dụng : Chế phẩm thực chế dùng làm thức ăn lỏng (uống qua ống thông) có 24% protein, 20% các lipid, 56% glucid.

Chỉ định : Dinh dưỡng trị liệu nội- ngoại khoa - hồi sức- chuyên hóa- dưỡng bệnh tại nhà - dinh dưỡng trước và sau phẫu thuật.

Liều dùng : Uống với nước, bằng thìa hay bằng ống thông dạ dày thực quản. Liều thay đổi từ 1-6 hộp/ngày.

Chống chỉ định : Mẫn cảm với lactose.

Lưu ý : Các ngày đầu nên dùng Renutryl